

TIỀN TỔ VÀ HẬU TỔ TRONG TIẾNG ANH

NGỮ PHÁP IELTS:

TIỀN TỔ VÀ HẬU TỔ

Tiền tố và hậu tố tiếng anh đều được sử dụng rất nhiều trong hầu hết các hoạt động giao tiếp của chúng ta. Vì vậy, việc nắm chắc các kiến thức về tiền tố và hậu tố góp phần giúp cho bạn hiểu sâu hơn về chúng và thực hành chính xác hơn.

Tiền tố và hậu tố là tập hợp các chữ cái được thêm vào đầu hoặc cuối của một từ khác. Bản thân chúng không phải là từ và không thể tự đứng trong một câu.

Tiền tố

Tiền tố là một nhóm các chữ cái được đặt trước từ gốc của một từ. Ví dụ: từ “*unhappy*” bao gồm tiền tố “*un-*” (có nghĩa là “*không*”) kết hợp với từ gốc “*happy*” (có nghĩa là “*vui*”); từ “*unhappy*” có nghĩa là “*không hạnh phúc*.”

Sau đây là danh sách một số các tiền tố thông dụng trong tiếng anh

PREFIX	EXAMPLES
de-	Decode, depressed

dis-	Disable, disappointed
ex-	Exclude, explosion
il-	Illiterate, illogical
im-	Immoral, imperfect
in-	Insecure, invisible
mis-	Misunderstand, misaddress
non-	Nonfiction, nonsense
pre-	Preorder, pregraduate
pro-	Proactive, profess, program
re-	Redo, reread
un-	Unlikely, unable

Hậu tố

Hậu tố là một nhóm các chữ cái được đặt sau gốc của một từ. Ví dụ: từ “*flavourless*” gồm từ gốc “*flavour*” kết hợp với hậu tố “*-less*” (có nghĩa là “*không có*”); từ “*flavourless*” có nghĩa là “*không có hương vị*.”

Hãy cùng xem bảng dưới đây để biết thêm một số hậu tố hay dùng trong tiếng anh nhé!

SUFFIX	EXAMPLES
-able	Useable, manageable
-al	Universal, brutal
-er	Bigger, stronger
-est	Noisiest, weakest
-ful	Meaningful, helpful
-ible	Reversible, terrible
-ily	Easily, happily, lazily
-ing	Acting, showing
-less	Friendless, tireless
-ly	Clearly, hourly
-ness	Kindness, wilderness

-y	Glory, messy, victory
----	-----------------------

BÀI TẬP ÁP DỤNG

Dưới đây là bài tập giúp bạn thực hành về tiền tố và hậu tố. Hãy cùng tham khảo để hiểu hơn nhé.

Hãy chia đúng dạng từ của từ được cho trong ngoặc

1. He is a _____ boy. He is always asking questions. (curiosity)
2. All the pupils have done the exercises _____. (easy)
3. Keep _____! The teacher is explaining the lesson. (silence)
4. Be _____ in your work! (care)
5. Time passes _____ when you are alone. (slow)

Thông tin liên hệ

Trụ sở chính & Trung tâm: Smartcom English – Tầng 4 nhà 29T2, đường Hoàng Đạo Thúy, khu đô thị Trung Hòa Nhân Chính, quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Trung tâm Anh ngữ Smartcom: Tòa nhà Smartcom, số 117, phố Hoàng Cầu, quận Đống Đa, Hà Nội.

Website: <https://smartcom.vn>

Điện thoại: (+84) 024.22427799

Zalo: 0865835099